| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAO PHONG**<br>**TỈNH HÒA BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 16/2021/QĐST-HNGĐ | *Cao Phong, ngày 31 tháng 12 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, về việc "Ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N** - Sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn L – xã Li - huyện Lư – H

- Bị đơn: **Bùi Văn T** - Sinh năm: 1992

Trú tại: Xóm O – xã– C - tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2021.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Thỏa thuận giao cháu Bùi Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/01/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị N chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.*

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung:* Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp: 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0001645 ngày 30/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo biên lai số 0001645 ngày 30/11/2021.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**
- Tòa án ND tỉnh HB;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện CP;
- Chi cục Thi hành án DS huyện CP;
- UBND nơi ĐK kết hôn; (xã Nam Phong)
- Lưu hồ sơ vụ án. M

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**